

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng  
kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều 15  
Nghị định số 112/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số  
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số  
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6  
năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của  
Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... /... /2025 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức  
hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại Khoản 2  
Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo  
thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... /... /2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội  
đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ  
họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

## 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ, phạm vi hỗ trợ**

#### 1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm công khai, công bằng, đúng quy định pháp luật, không chồng chéo, trùng lặp và có hiệu quả.

b) Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa, tăng hiệu quả sản xuất lúa tại địa phương.

c) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, hỗ trợ xác định trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu thống kê đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, riêng đối với kinh phí phân bổ năm 2025 là số liệu thống kê đất đai của các huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định năm 2023.

d) Nguồn kinh phí thu tiền bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, UBND tỉnh căn cứ số thu hàng năm thực hiện phân bổ đảm bảo hiệu quả sử dụng kinh phí.

#### 2. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ cho các hoạt động được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

### **Điều 3. Định mức hỗ trợ**

#### 1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

a) Hỗ trợ không quá 50% kinh phí thực hiện: mô hình sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện: chi hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn;

c) Hỗ trợ không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình, phương án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Hỗ trợ thực hiện công tác quản lý; tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất trồng lúa; sản xuất lúa:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ những vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần;

c) Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn;

d) Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ (theo khoản 2, Điều 9 Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 12/9/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông).

#### **Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ**

Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện như sau:

1. Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 20% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ những vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần;

c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Phân bổ cho ngân sách cấp huyện 80% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa (được quy đổi thành 100%) để thực hiện các nội dung sau:

a) 85% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

- Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

- Mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

b) Hỗ trợ 15% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã thuộc cấp huyện quản lý.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, kỳ họp thứ..... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... tháng 2025./.

#### **Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.Quốc hội, VPCP (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa ...;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, .....

**CHỦ TỊCH**